PHÒNG GD&ĐT DIỄN CHÂU ***(* *Phụ lục 1)***

 **TRƯỜNG MN DIỄN LỢI**

**III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC 4-5 TUỔI.**

*(Kèm theo Kế hoạch số …KH-TrMN ngày … tháng … năm 2024 trường Mầm non Diễn Lợi)*

 **A. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI TRONG NĂM HỌC NĂM HỌC 2024 – 2025**

**(Thực hiện từ 09/9/2024 đến 23/5/2025)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Số tuần**  | **Thời gian** |
| Trường mầm non( 4 tuần) | - Trường mầm non thân yêu | 1 | Từ 09 đến 13/9 |
| - Bé vui tết trung thu | 2 | Từ 16 đến 20/9 |
| - Lớp học của bé | 3 | Từ 23/9 đến 27/9 |
| - Các hoạt động ở trường mầm non | 4 | Từ 30/9 đến 04/10 |
| Bản thân( 3 tuần) | - Bé tự giới thiệu về mình | 5 | Từ 07 đến 11/10 |
| - Cơ thể bé và bạn | 6 | Từ 14 đến 18/10 |
| - Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh  | 7 | Từ 21 đến 25/10 |
| Gia đình bé( 5 tuần) | - Gia đình bé yêu | 8 | Từ 28/10 đến 01/11 |
| - Ngôi nhà thân yêu của bé | 9 | Từ 04 đến 08/11 |
| * Đồ dùng trong gia đình bé
 | 10 | Từ 11 đến 15/11 |
| - Cô giáo như mẹ hiền | 11 | Từ 18 đến 22/11 |
| - Nhu cầu gia đình  | 12 | Từ 25/11đến 29/11 |
| Các nghề bé yêu( 4 tuần) | - Bé yêu bác nông dân | 13 | Từ 02/12 đến 06/12 |
| - Bé yêu cô chú công nhân | 14 | Từ 09 đến 13/12 |
| - Bé yêu chú bộ đội | 15 | Từ 16 đến 20/12 |
| - Nghề bác sỹ | 16 | Từ 23 đến 27/12 |
| Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân( 5 tuần) | - Một số loại rau – củ | 17 | Từ 30/12 đến 03/1/2024 |
| - Một số loại quả | 18 | Từ 06 đến 10/1 |
| - Một số loại hoa | 19 | Từ 13 đến 17/01 |
| - Bé vui đón tết  | 20 | Từ 20 đến 24/01 |
| - Mùa xuân, một số loại cây | 21 | Từ 10 đến 14/02 |
| Những con vật đáng yêu  ( 5 tuần ) | - Con vật nuôi trong gia đình  |  22 | Từ 17/2 đến 21/02 |
| - Con vật sống dưới nước  | 23 | Từ 24 đến 28/02 |
| - Một số con vật sống trong rừng | 24 | Từ 03 đến 07/03 |
| - Ngày vui 8/3 | 25 | Từ 10 đến 14/03 |
| - Côn trùng và một số loại chim | 26 | Từ 17 đến 21/03 |
| Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT( 3 tuần) | - Phương tiện và quy định GT đường bộ - đường sắt | 27 | Từ 24 đến 28/3 |
| - Thực hành một số quy định giao thông | 28 | Từ 31/03đến 04/4 |
| - Phương tiện và QĐ GT đường thủy, đường không | 29 | Từ 07 đến 11/4 |
| Nước và các hiện tượng tự nhiên ( 3 tuần) | - Bé biết gì về nước | 30 | Từ 14 đến 18/4 |
| - Một số hiện tượng tự nhiên  | 31 | Từ 21 đến 25/4 |
| - Mùa hè của bé | 32 | Từ 28 đến 02/5 |
| Quê hương Đất nước - Bác Hồ( 3 tuần) | - Diễn Châu quê hương em  | 33 | Từ 5 đến 09/5 |
| - Bác Hồ kính yêu ! | 34 | Từ 12 đến 16/05 |
| - Nghệ An yêu dấu | 35 | Từ 19 đến 23/05 |
|  **Tổng** |  | **35 tuần** |  |

**B. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ 4-5 TUỔI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiên** | **Lưu ý/điều chỉnh** |
| **1 Tổ chức bữa ăn**  | ***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:***- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn*:*Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.*\* Lượng thực phẩm:*- Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng l­ượng và các chất dinh d­ưỡng cần *\* Nước uống*:- Hàng ngày trẻ đ­ược uống n­ước đầy đủ, nhất là về mùa hè. L­ượng nư­ớc cần đ­ược đ­ưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nư­ớc một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả).***b. Chăm sóc bữa ăn****\* Tr­ước khi ăn.*- Cô chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh và hướng dẫn trẻ vệ sinh sạch sẽ, rửa tay sát khuẩn trước khi ngồi vào bàn ăn. ***\**** *Trong khi ăn.*- Giáo viên cần tạo không khí thoải mái cho trẻ trong khi khi ăn. - GV cần quan tâm hơn những trẻ mới đến lớp, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy - Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống *\* Sau khi ăn:* - Hư­ớng dẫn trẻ đồ dùng đúng vào nơi quy định, - Giáo viên lau sàn nhà khô ráo sạch sẽ, sát khuẩn sàn nhà sau khi ăn xong. | -CBQL chỉ đạo thực hiện.-GV phối hợp phụ huynh thực hiện |  |
| **2.Tổ chức giấc ngủ** | ***\* Chuẩn bị tr­ước khi trẻ ngủ:***- Giáo viên chuẩn bị đầy các đồ dùng, tâm thế cho trẻ để chuẩn bị tốt cho giấc ngủ của trẻ.***\* Theo dõi trẻ trong khi ngủ:***- Trẻ có thói quen ngủ tr­ưa 1 giấc khoảng 140p- 150 phút- Khi trẻ ngủ: giáo viên phải thường xuyên có mặt để theo dõi trẻ ngủ; giáo viên quan sát, phát hiện kịp thời và xử lý các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ. ***\* Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy:***- Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy tr­ước. -Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức .Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều. | -CBQL chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc-Giáo viên thực hiện |  |
| **3. Tổ chức vệ sinh** | **1.Vệ sinh cá nhân cô:**- Cô giáo phải thường xuyên vệ sinh cá nhân sạch sẽ***\* Vệ sinh thân thể:***- Giáo viên luôn giữ gìn VS thân thể- Quần áo gọn gàng, sạch sẽ. - Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ - Thực hiện tốt quy định về phòng chống dịch bệnh, ***2.* Vệ sinh cá nhân trẻ*****2.1. Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân.***- Cô giáo chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho trẻ ***2.2. Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN***, ***phòng tránh dịch bệnh*** - Giáo viên hướng dẫn trẻ một số công việc tự chăm sóc sức khỏe cá nhân và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ.**3. Vệ sinh môi trường:*****\* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi***- Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp giáo viên phải rửa sach,khử khuẩn các loại đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn an toàn và phơi khô ráo- Các đồ dùng phải xếp đặt ngăn nắp- Có lịch VS đồ dùng hằng tuần***\* Vệ sinh phòng nhóm***- Giáo viên phải VS phòng nhóm thường xuyên sạch sẽ, phòng kho ngăn nắp, đồ chơi xếp đặt gọn gàng.- Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi khai.***\* Xử lý rác, nước thải***- Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ.Phân loại rác theo chất liệu- Thường xuyên khơi thông cống rãnh để thông nguồn nước thải, không để ứ đọng nước thải sau khi rửa xong, xử lí nước thải bằng vôi và các chất xử lí, không để gây mùi hôi của nước thải, mất vệ sinh.***\* Giữ sạch nguồn nước***-Nguồn nước cho trẻ ăn uống phải đảm bảo đúng quy chuẩn; nước không bị ô nhiễm bằng các tạp chất.- Cung cấp đủ nước sạch để nấu và sinh hoạt hằng ngày- Dụng cụ chứa nước đảm bảo sạch sẽ  | - Giáo viên |  |
| **4.Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn** | **1. Chăm sóc sức khỏe trẻ:**\* ***Khám sức khỏe định kì:******-*** Nhà trường kết hợp Trạm y tế xã để kiểm tra sức khỏe cho trẻ (Tháng 9, tháng 3), phát hiện xem những trẻ nào mắc các bệnh thông thường.-Nhân viên y tế nhà trường thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ em, kịp thời phát hiện bệnh tật của trẻ để phối hợp với gia đình có hướng xử lý, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo qui định.***\* Khám điều trị chuyên khoa:***-Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trung tâm y tế huyện, bác sỹ chuyên khoa để khám cho trẻ ít nhất 1 lần trong năm\****Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ******-***Giáo viên tổ chức cân cho trẻ và ghi vào biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần( 15/9; 15/12; 15/3); đo chiều cao 6 tháng 1 lần ( 15/9 và 15/ 3). Đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi hàng tháng, **2.Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*****\* Phòng tránh dịch bệnh:***- Giáo viên chuẩn bị đầy đủ phương án phòng chống dịch, nhắc trẻ thường xuyên vệ sinh sạch sẽ để phòng một số dịch bệnh - Tuyên truyền tốt với phụ huynh để đảm bảo phòng tránh dịch bệnh, tiêm phòng đầy đủ cho trẻ có lối sống khoa học.***\*Phát hiện và chăm sóc trẻ ốm:******-***Thường xuyên quan sát trẻ phát hiện những biểu hiện của trẻ ốm, trao đổi với phụ huynh và nhân viên y tế để chăm sóc trẻ ***\*Phát hiện và xử lý ban đầu của một số bệnh thường gặp:***- Giáo viên tuyên truyền về bệnh thường gặp theo mùa cho phụ huynh nắm bắt và đảm bảo sức khỏe cho trẻ.- Nhà trường có tủ thuốc và có đủ các loại thuốc thông dụng, có dán nhãn mác và hạn sử dụng của các loại thuốc. Tủ thuốc phải khóa cẩn thận, sạch sẽ, không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không tự tiện cho trẻ uống các loại kháng sinh,các loại thuốc khác khi không có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.**3.Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.*****\*An toàn thể lực***:-Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lí, tu sửa kịp thời,không để trẻ bị thương tích.- Quản lí trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường.***\* An toàn tính mạng:***- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm .Không để xảy ra việc thất lạc trẻ.- Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng.- Phối hợp với các ban nghành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ.  | Bác sĩ trạm y tếNhân viên y tế ; Giáo viênGiáo viên; Phụ huynhNhân viên y tế, giáo viên, phụ huynhGiáo viên |  |

1. **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI. NĂM HỌC 2024- 2025**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** |
| **Lĩnh vực Phát triển thể chất** |
| ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** |
| **MT1**. Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổiTrẻ trai :+ Cân nặng từ 14.4 - 23.5 kg+ Chiều cao từ 100.7 - 119.1cm Trẻ gái :+ Cân nặng từ 13.8 - 23.2 kg+ Chiều cao từ 99.5 – 117.2 cm | - Chăm sóc nuôi dưỡng:- Rèn luyện 1 số thói quen tốt trong ăn, uống, ngủ và vệ sinh cá nhân.- Rèn các hành vi văn minh trong ăn uống và sinh hoạt hàng ngày- Rèn luyện kỹ năng tự phục vụ giữ gìn sức khỏe |
| **MT2**. Trẻ biết một số loại thực phẩm: Nhóm thực phẩm có nhiều chất đạm và nhóm thực phẩm có nhiều chất vitamin, nhóm thực phẩm có nhiều tinh bột và nhóm thực phẩm có nhiều chất béo, biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất DD. | - Lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất.- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật ( ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).... |
| **MT3.** Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở (tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng...) | - Tập đánh răng, lau mặt.- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.- Tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đổ thức ăn. |
| **MT4.** Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống |  - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, sử dụng dồ dùng ăn uống lịch sự- Trong khi ăn không nói chuyện không nhai nhồm nhoàm, - Không uống nước lã. |
| **MT5** Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh, đi vệ sinh đùng nơi quy định, biết che miệng khi hắt hơi, biết tự phục vụ | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dùng đồ dùng vệ sinh đúng cách.- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản- Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp- Dạy trẻ rửa tay đúng cách - Hướng dẫn trẻ sử dụng đúng đồ dùng cá nhân: cốc, gối - Dạy trẻ kỹ năng giữ gìn vệ sinh chân tay sạch sẽ.- Rèn cho trẻ cách cất dép gọn gàng. |
| **MT6.** Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp (chạy, ngã chảy máu...)... | - Dạy trẻ trẻ kỹ năng phòng tránh điện giật- Dạy trẻ trẻ kỹ năng tránh những đồ vật nguy hiểm- Dạy trẻ kỹ năng giúp đỡ người khác: đỡ bạn khi bạn bị ngã, gọi người lớn khi bạn khi gặp tình huống nguy hiểm.- Dạy trẻ trẻ kỹ năng không nhận quà và đi theo người lạ.- Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em.- Dạy trẻ trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước- Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh động vật nuôi cắn.- Dạy trẻ kỹ năng nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm: Hố công trình, bếp lửa,…- Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh hỏa hoạn.- Dạy trẻ quy tắc 5 ngón tay.- Dạy trẻ kỹ năng phòng chống xâm hại- Dạy trẻ kỹ năng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông. Yêu cầu người lớn thực hiện an toàn giao thông, xếp xe đúng quy định…  |
| ***Phát triển vận động*** |
| **MT7**. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thểdục theo hiệu lệnh  | - Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp- Hô hấp: Hít vào, thở ra.-Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân:  + Nhún chân.  + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.  + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. |
| **MT8.**Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động, trẻ kiểm soát được vận động: đi, chạy, bật, nhảy  | - Đi liên tục trên ghế TD, - Đi trên vạch thẳng kẻ sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, zích zắc ( đổi hướng) theo vật chuẩn- Chạy chậm 60-80m - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm.- Bật-nhảy từ trên cao xuống(cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm- Nhảy lò cò 3m |
| **MT9**. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Chuyền, tung, ném, đập, bắt bóng  | - Tung bóng lên cao và bắt bóng- Tung bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay- Ném trúng đích ngang (2m)- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.  |
| **MT10**.Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động bò, trườn, trèo | - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m- Bò dích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng- Bò chui qua ống dài 1, 2m x 0, 6m. - Trườn theo hướng thẳng.- Trèo qua ghế dài 1, 5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. |
| **MT11**. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp.  | * Bật xa, ném xa bằng 1 tay
* Ném đích ngang, chạy nhanh 12 m
* Ném xa, chạy chậm
 |
| **MT12**. Trẻ biết phối hợp được cử động được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động: | - Xoay cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau.- Vo xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối....- Cắt thành thạo theo đường thẳng, vẽ hình người …, biết tế sợi đôi… |
| **Lĩnh vực Phát triển nhận thức** |
| ***Khám phá khoa học*** |
| **MT13**. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoăc 2 dấu hiệuTrẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | - Phương tiện và quy định giao thông đường bộ đường sắt- PT và quy định giao thông đường thủy đường không- Một số loại rau- Một số loại cây- Một số loại quả- Con vật nuôi trong gia đình - Con vật sống dưới nước - Con vật sống trong rừng- Côn trùng và một số loại chim- Một số loại quả- Trải nghiệm pha nước chanh, đường |
| **MT14.** Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể, | - Khám phá các giác quan: Khám phá cái mũi, khám phá các bộ phận khác của cơ thể. |
| **MT15**. Trẻ nhận biết một số đặc điểm về hiện tượng tự nhiên ( hiện tượng thời tiết, sự khác nhau về ngày và đêm, đặc điểm tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người và cây cối, con vật.  | - Một số hiện tượng tự nhiên- Quan sát thời tiết.- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.- Đặc điểm, tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người và cây cối. - Vật chìm vật nổi - Trải nghiệm về cây |
| **MT16**. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.  | Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán như pha màu thử nghiệm vật chìm, nổi, chất tan, chất không tan, nước bốc hơi.... |
| **MT17.**Trẻ có thể thu thâp thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:  | - Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. |
| **MT18**. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản (vd: làm cho ván dốc hơn để ô tô chạy nhanh,…) | - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. |
| **MT19**. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng, ích lợi của các con vật, cây cối, hoa quả, rau, PTGT; trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.- Đặc điểm công dụng của một số PTGT- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 -3 đồ dùng đồ chơi,  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. |
| **MT20**. Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. | - Hoạt động chơi đóng vai- Thể hiện trong các bài hát, trò chơi âm nhạc  sản phẩm tạo hình. |
| ***Khám phá xã hội*** |
| **MT21**. Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. nói tên, một số công việc của các cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi và trò chuyện. | - Trường mầm non của bé- Lớp học của bé- Các hoạt động ở trường mầm non. |
| **MT22**. Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân; họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh, ảnh. | - Bé tự giới thiệu về mình- Cơ thể bé và bạn- Gia đình bé yêu |
| **MT23.** Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Ngôi nhà thân yêu của bé- Đồ dùng gia đình bé- Nhu cầu của gia đình- Dạy trẻ mạnh dạn chỗ đông người |
| **MT24**. Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi của một số nghề khi được hỏi và trò chuyện. | - Bé yêu bác nông dân- Bé yêu cô chú công nhân- Nghề bác sỹ- Bé yêu chú bộ đội |
| **MT25**. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. | * Bé vui tết trung thu
* Cô giáo như mẹ hiền
* Cháu yêu chú bộ đội
* Bé vui đón tết
* Ngày vui 8/3
* Bác hồ kính yêu
 |
| **MT26.** Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, đất nước, di tích lịch sử của địa phương | - Diễn Châu quê hương em( bãi biển, núi, đồng lúa. Biển diễn thành, lèn 2 vai, chùa cổ am, khu du lịch diễn thành- Nghệ an yêu dấu |
| ***Làm quen với Toán*** |
| **MT27**. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ:” Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”  | - Đếm nhận biết đối tượng trong phạm vi 1, 2- Đếm đến 3 nhận biết nhóm có 3 đối tượng- Đếm đến 4 nhận biết nhóm có 4 đối tượng- Đếm đến 5 nhận biết nhóm có 5 đối tượng- So sánh sự khác nhau về số lượng của 2 nhóm đối tượng- Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 3- Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 4- Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5 |
| **MT28**.Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. |
| **MT29**. Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. | Tách gộp trong phạm vi 3Tách gộp trong phạm vi 4Tách gộp trong phạm vi 5 |
| **MT30**. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. | - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày ( thôn xóm đang ở, số điện thoại, biển số xe… |
| **MT31.** Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi | - Xếp tương ứng 1-1, Ghép đôi  |
| **MT32**. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. | - Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc |
| **MT33**. Trẻ biêt sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, so sánh kích thước, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo- Đo dung tích bằng một đơn vị đo- So sánh chiều rộng của 2 đối tượng- So sánh chiều cao của 2 đối tượng- So sánh chiều cao của 3 đối tượng |
| **MT34.** Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình( tròn và tam giác, vuông và hình chữ nhật...) | - Phân biệt hình tam giác với hình tròn.- Phân biệt hình vuông với hình chữ nhật - Phân biệt hình tròn với hình vuông, hình tam giác với hình chữ nhật - Ôn nhận biết phân biệt các hình |
| **MT35.** Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. | - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. |
| **MT36**. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | - Xác định phía phải, phía trái của của bản thân trẻ- Xác định phía phải phía trái của bạn khác- Phân biệt phía trên phía trên, phía dưới phía trước, phía sau của bạn khác.  |
| **MT37.** Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày | Dạy trẻ các buổi sáng, trưa, chiều, tối |
| **Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** |
| **MT38.** Trẻ Thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp | - Hiểu lời nói và làm theo được 2-3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày |
| **MT39**. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ..... | - Đồ dùng trong gia đình - Đồ chơi trong trường mầm non- Đồ dùng ngành nghề Các con vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước …Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy … nơi hoạt động… |
| **MT40**. Trẻ sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong gíao tiếp hàng ngày - Bày tỏ, nhu cầu tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu khác nhau- Trả lời và đặt câu hỏi |
| **MT41**. Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...... | - Chủ đề trường mầm non: Dung dăng dung dẻ (Lương Thị Biển), Bé tới trường (Nguyễn Thanh Sáu), Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), Bập bênh (Lê Thị Hiển), Giờ choi của bé (Phạm Thụy Quỳnh Anh). Tình bạn (Việt Quỳnh); Dế học chữ (Sưu tầm); Trăng lưỡi liềm (Nguyễn Hưng Hải)- Chủ đề bản thân : Tâm sự của cái mũi (Lê Thu Hương), Cô dạy (Phạm Hổ), Bé ơi (Phong Thu), Đôi bàn tay nhỏ xinh (Ngô Thị Bích Hiền); Phải là hai tay (Phạm Cúc); Lời chào (Nguyễn Tiến Bình); Rửa tay (Phạm Mai Chi)- Chủ đề gia đình :Lấy tăm cho bà (Định Hải), Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến), Quạt cho bà ngủ (Thạch Quỳnh), Lời chào (Phạm Cúc), Thăm nhà bà (Như mạo); Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan) Em là cô giáo ( Lê Thị Hồng Mai), Cô giáo của em (Chu Huy).- Chủ đề ngành nghề : đi bừa, Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa), Đi bừa (Hoàng Dân), Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ), Làm Bác Sỹ (Lê Ngân); ; Ước mơ của bé (Lê Thị Hồng Mai), Chú cảnh sát giao thông- Chủ đề thực vật : cây dây leo, cây đào, hoa kết trái, tết đang vào nhà, Cây cau. Cây si. Hoa đào. Hoa mào gà. Hoa sen cây thược dược. Hoa phượng. Từ hạt đến hoa.); Bó hoa tặng cô (Vương Quân Miện)- Chủ đề động vật: *Thơ*: Gọi bạn chuồn chuồn. Tiếng ve. Chú ngựa bay. Con trâu. Ếch con học bài. Con gà. Bếp ăn của con vật. Em vẽ. Chim chích bông. Méo con.- Chủ đề phương tiện giao thông:*:*giúp bà, Đèn báo. Con đường của bé. Đi chơi phố ( Trần Nhật Thu), Tiếng động quanh em. Xe cần cẩu ( Nguyễn Đức); Trên chín tầng mây, Đèn giao thông (Thái hà). Thuyền giấy.- Chủ đề hiện tượng tự nhiên: ông mặt trời óng ánh, Ông mặt trời bật lửa (Đỗ xuân Thanh), Trưa hè (Dạ Thảo), Nước (Vương Trọng), Mưa (Nguyễn Diệu), Mùa hè của em ( Tuyết Hoa); Bốn mùa ở đâu ( Cao Xuân Sơn); Mùa hạ tuyệt vời ( Phạm Hưng Long) Ông sảo ông sao. Trăng lưỡi liềm. Hương và gió. Bãõ. Cầu vồng. Tia nắng. Nươc. Mùa thu. Mùa đông- Đồng dao, ca dao: Dung dăng dung dẻĐồng dao về củ ***Thơ*: Hoa quanh lăng Bác(Nguyễn Bao**).Em vẽ Bác Hồ( Thy Ngọc), Hoa quanh lăng Bác ( Nguyễn Bao), **Con diều**;quê em vùng biển (Đặng Quang Định), **Buổi sáng quê nội ( Nguyễn Lãm Thắng);Sáng tháng năm** ( Tố Hữu); **Bác thăm nhà cháu (Thái Hòa) Buổi sáng ( Lam Giang) ảnh bác,**  |
| **MT42**. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| **MT43**.Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....  | - Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động,  |
| **MT44**. Trẻ biết lắng nghe kể truyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện, bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. |  **- Chủ đề trường mầm non** Người bạn tốt, món quà của cô giáo (Tú Anh), Ai lớn nhất, ai bé nhất (Trần Thị Hoài), Người bạn tốt (Hoàng Thị Hà), Sự tích chú cuội cung trăng ( Truyện cổ tích việt nam); Thỏ trắng đi học, **- Chủ đề bản thân** Ngôi nhà ngọt ngào, Đôi dép (Trần Thị Châu Mỹ), Cây táo thần (Kim Tuyến) Củ cải trắng (Kim Tuyến). Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên); Cái mồm (Phùng Thành Chúng)**- Chủ đề gia đình** Tích chu (Phỏng theo truyện “ Sự tích chim cu), Thỏ dọn nhà, Cháu ngoan của bà (Mai Thị Minh Huệ), Quà tặng mẹ. Cây Khế (Kim Tuyến); Cô bé quàng khăn đỏ ; Sẻ con đáng yêu (Nguyễn Thanh Trang);, “ Ba cô gái” “ Hai anh em”**- Chủ đề nghành nghề** Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền), Sự tích quả dưa hấu( Theo truyện cổ việt nam), Niềm vui từ bát canh rau cải(Trần Ngọc Trâm); Thần sắt**;** Người làm vườn và các con trai (Thúy toàn dịch)**- Chủ đề thực vật :** Con hãy đợi rồi sẽ biết. Niềm vui từ bát canh cải. Chuyện trong vườn., Hoa dâm bụt (Xuân Quỳnh), Hạt đỗ sót (Xuân Quỳnh);; Củ cải trắng; Chú đỗ con;**- Chủ đề động vật** Học trò của cô giáo chim khách., Cáo thỏ và gà trống (Thu Thủy), , Dê con nhanh trí; Mèo lại hoàn mèo;**- Chủ đề giao thông** Kiến con đi ô tô ( Phạm Mai Chi), Một chuyến thăm quan ( Phạm Ngọc Cài) Kiến thi an toàn giao thông (PGĐT Yên bái); Ba ngọn nến. Cái hố bên đường. Chuyện về ba cậu bé**- Chủ đề hiện tượng tự nhiên.** Đám mây xấu xí (Nguyễn Văn Thắng), Nàng công chúa chuột, Cầu Vồng(Phương Nhi), Hồ nước và mây(Sưu tầm); Lời ru của trăng (Xuân Quỳnh); Gió và mặt trời, Cầu vồng (Phương Nhi); Câu chuyện mùa xuân; Cô Mây. Hồ nước và mây. Câu chuyện về giọt nước. Cái hồ nhỏ**- Chủ đề quê hương đất nước –Bác hồ :** Qủa táo Bác Hồ( Tuyển tập thơ văn thiếu nhi), , Sự tích Hồ Gươm |
| **MT45**. Trẻ sử dụng được các từ thể hiện sự lễ phép, trẻ biết mời cô, mời bạn, biết nói lời cảm ơn, xin lỗi... trong giao tiếp, biết chào hỏi lễ phép. | + Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi + Dạy trẻ biết mời cô, mời bạn trước khi ăn. |
| **MT46**. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| **MT47**. Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc. kể lại sự việc theo trình tự | - Dạy trẻ Kể lại chuyện đã được nghe- Kể chuyện theo tranh |
| **MT48.** Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được  | - Phát âm có chứa các âm khó.- Trả lời và đặt câu hỏi “ai”, “cái gì”, “ở đâu”, “khi nào”, “để làm gì”- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| **MT49**. Trẻ biết chọn sách để xem, biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt). | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhauLàm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách ( hướng đọc từ trái qua phải từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ các dấu, phân biệt đầu kết thúc của sách)Đọc chuyện qua sách tranh/tranh vẽ- Giữ gìn, bảo vệ sách |
| **MT50** Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống | - Một số biển báo giao thông, đèn tín hiệu. Ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm. |
| **MT51**. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “ viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừngTrẻ có biểu tượng ban đầu về kí hiệu/chữ cái/chữ viết | - Làm quen với cách viết tiếng việt ( hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)- Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành các nét chữ cái- Nhận dạng một số chữ cái- Tập tô đồ các nét chữ- Sử dụng ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.  |
| **Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** |
| **MT52**.Trẻ chú ý nghe, thích thú( hát, vổ tay, nhún nhảy, lắc lư)theo bài hát, bản nhạc. | Trường Mầm non. Nghe hát: Bàn tay cô giáo (Nhạc Phạm tuyên-lời Tho Định Hải); Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân), Trường làng tôi (Trương Quang Lục); Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện);; Cô Giáo (Đỗ Mạnh Tường), ánh trăng hòa bình…Bản thân: Cánh én tuổi thơ; Thật đáng chê ( theo điệu Bắc Kim thang- lời Việt Anh); Khúc hát ru của người mẹ trẻ (nhạc Phạm Tuyên-lời Lâm Thi Mỹ Dạ); Sinh nhật hồng( Lê Quốc Thắng); Dân ca tự chọn Gia đình: Bàn tay mẹ (nhạc Bùi Đình Thảo – lời thơ Tạ Hữu Yên); Chỉ có một trên đời (nhạc Trương Quang Lục – ý thơ Liên Xô); Bố là tất cả (Thập Nhất); Ngôi sao nhỏ; Cho con ( nhạc Phạm Trọng Cầu-lời thơ Tuấn Dũng); Lời ru mùa đông (Đặng Hữu Phúc); Ru con (DC Nam bộ) Người giáo viên nhân dân, Cô giáo miền xuôi.Nghề nghiệp: Màu áo chú bộ đội (Nhạc và lời Trần Văn Tý); Hạt gạo làng ta( nhạc Trần Viết Bính – Lời thơ Trần Đăng Khoa); Thì thầm đồng quê; Xe chỉ luồn kim( Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Đi cấy( Dân ca Thanh Hóa), dân ca tự chọn. Lớn lên cháu lái máy cày.Những con vật đáng yêu: Chị ong nâu và em bé, , Lý con sáo sang sông (Dân ca Nam Bộ), Lý con khỉ(Dân ca Nam Trung Bộ); Gà gáy (DC Cống Khao)cò lả, con chim vành khuyên-Thế giói thực vật tết, mùa xuân: Cây trúc xinh, Lý cây bông( Dân ca Nam Bộ), Hoa trong vườn( Dân ca Thanh Hóa), Mùa xuân ơi( Nguyễn Ngọc Thiện), Hoa thơm bướm lượn( Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Trồng cây, Dân ca tự chọn. Miền nam của em (Hoàng Nguyễn)- Bé tìm hiểu PT và quy định giao thông: Những cô gái trên dòng sông quan họ (Phó Đức Phương), Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Anh phi công ơi( Nhạc Xuân Giao – lời Thơ Xuân Quỳnh), Dân ca tự chọn. Những con đường em yêu, anh phi công ơi, bạn ơi có biết - Nước và các hiện tượng tự nhiên: Hạt nắng hạt mưa, Reo vang bình minh( Lưu Hữu Phước), Mưa rơi ( DC Xá); Bèo dạt mây trôi, - Quê hương đât nước – Bác Hồ: chim câu trắng. Gửi anh một khúc dân ca. Lý chiều chiều. Xòe hoa Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng( Phong Nhã), Bác Hồ người cho em tất cả. Em đi trong tươi xanh. Em như chim, bác hồ người cho e tất cả, xòa hoa |
| **MT53**.Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời; Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu, vận động minh hoạ...)  | - Chủ đề trường mầm non: Vui đến trường (Hà Bắc), Chào hỏi khi về ( nhạc Hàn Quốc ), Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền ), Rước đèn dưới ánh trăng (Phạm Tuyên ); Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh); Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch); Hoa trường em (Dương Minh Khang).* - Chủ đề bản thân: Mừng sinh nhật (nhạc Anh, lời Đào Ngọc Dung); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Càng lớn càng ngoan; Cái mũi (Lê Đức-Thu Hiền), Cả tuần đều ngoan Phạm Tuyên); Tôi bị ốm (nhạc Anh lời Phan Hương); Bạn ở đâu( nhạc Pháp, lời Lê Đức-Thu Hiền); Tìm bạn thân ( Việt Anh); Tay thơm, tay ngoan (Bùi Đình Thảo)Cái mũi
* - Chủ đề gia đình: Cháu yêu bà (nhạc và lời Xuân Giao), Chào hỏi), Mẹ đi vắng (Trịnh Công Sơn); Mẹ yêu không nào. ); Nhà của tôi ( Thu Hiền); Cô giáo( Nhạc Đỗ Mạnh Thường – lời Thơ( Nguyễn Hữu Tưởng), Cô và mẹ( Phạm Tuyên)

- Chủ đề ngành nghề: Cháu yêu cô chú công nhân ( Hoàng Văn Yến), Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân), Chú bộ đội đi xa( Hoàng Vân), Chú bộ đội, ( Nhạc và lời Kim Hữu), Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền)- Chủ đề Động vật: Cá Vàng bơi Nguyễn Hà Hải), Con chuồn chuồn. Con chim non. Đố bạn. Một con Vịt. Thật là hay. Thương con mèo. Vì sao chim hay hót..- Chủ đề thực vật: Quả( Xanh Xanh), Bầu và bí( Phạm Tuyên), Màu hoa( Hồng Đăng), Cùng múa hát mừng xuân(Hoàng Hà), Ngày vui 8/3(Hoàng Văn Yến), Lý cây xanh( Dân ca Nam Bộ), Cây bắp cải( nhạc Thu Hồng lời Phạm Hổ), Sắp đến tết rồi(Hoàng Vân), Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Bầu bí thương nhau (Phạm Tuyên). Ngày vui của bà của mẹ- Chủ đề giao thông: Đèn xanh đèn đỏ. Đường em đi em nhớ, em đi qua ngã tư đường phố, em đi chơi thuyền, Lái máy bay.- Chủ đề hiện tượng tự nhiên: Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền), Mây và gió (Minh Quân)Chủ đề Quê hương Đất nước Bác Hồ:Em yêu thủ đô( Bảo Trọng) Em mơ gặp Bác Hồ ( Xuân Giao), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu), Hòa bình cho bé ( Huy Trân), Quê hương em biết bao tươi đẹp, lá cờ nhỏ,  |
| **MT54**. Trẻ biết tự lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc | - Vận động các bài hát trong chủ đề bằng các hình thức vận động theo ý tưởng của trẻ. |
| **MT55**. Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc | - Hát theo hình vẽ, Tai ai tinh, Ai nhanh nhất, Somi, Ai nhanh nhất, Nghe tiết tấu tìm đồ vật… |
| **MT56**. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. | - Tranh hoa trong vườn trường.- Tranh Trang trí bình hoa tặng cô.- Tranh trang trí vườn hoa- Tranh vườn cây xanh- Làm quà tặng chú bộ đội- Làm quà tặng mẹ |
| **MT57.** Trẻ biết phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc bố cục, có kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng đường cong. | \* Chủ đề trường mầmnon:- Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường - Vẽ đồ chơi trong lớp học \* Chủ đề bản thân- Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc- tô màu vòng treo cổ- Trang trí áo bé trai bé gái \* Chủ đề gia đình- Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo- Vẽ, tô màu ngôi nhà- Vẽ, tô màu người thân trong gia đình - Xé dán bông hoa trang trí cửa sổ \* Chủ đề các nghề bé yêu- Cắt dán cái thang cho chú công nhân - làm quà tặng chú bộ đội\* Chủ đề thế giới thực vật – tết và mùa xuân- Vẽ, tô màu cây xanh- Vẽ và tô màu rau củ quả bé thích - Xé dán quả - Vẽ, tô màu vườn hoa mùa xuân \* Chủ đề những con vật đáng yêu- Vẽ, tô màu con mèo - Cắt dán con vật sống dưới nước - Vẽ, tô màu con bướm \* Chủ đề bé tìm hiểu phương tiện và quy định giao thong- tô màu chu cảnh sát giao thông- Vẽ và tô màu tàu hỏa - Vẽ và tô màu tàu hỏa - Xé dán máy bay trực thăng \* Chủ đề nước và các hiện tượng tự nhiên- Xé dán mặt trời và những đám mây - Vẽ, tô màu cảnh mùa hè;- Vẽ, tô màu chiếc ô  |
| **MT58.** Trẻ biết cách làm lõm, dổ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | - Nặn theo ý thích- Nặn một số đồ dùng trong gia đình* Nặn con vật bé thích
 |
| **MT59.** Trẻ biết thể hiện xen kẽ màu, hình trong trang trí đơn giản | - Trang trí khung ảnh Bác Hồ- Trang trí áo bé trai, bé gái.- Trang trí dây hoa bằng vân tay. |
| **MT60**. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thíchTrẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, của tác phẩm tạo hình | - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình- Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình |
| **Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội** |
| **MT61**. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những điều bé có thể làm được | - Sở thích, khả năng của bản thânTrẻ thích được đến lớp, thích chơi với bạn, thích ăn món ăn gì … |
| **MT62.** Trẻ biết nhận biết và biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh | - Khuôn mặt biểu lộ cảm xúc |
| **MT63**. Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích |  - Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia vào trò chơi, đồ chơi- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý tưởng, sở thích riêng của bản thân và của nhóm |
| **MT64**. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ; bỏ rác đúng nơi quy định | Trẻ cố gắng thực hiện công việc được người lớn giao như: xếp bàn ghế, xếp gối, xếp chăn, cất dọn đồ dùng, đồ chơi....- HD trẻ kỹ năng xếp gối- HD trẻ kỹ năng xếp chăn- HD trẻ kỹ năng gấp áo.- HD trẻ kỹ năng gấp quần.- HD trẻ kỹ năng mặc quần, áo - HD trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng học tập gọn gàng |
| **MT65**. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ | - Trẻ kính yêu Bác Hồ |
| **MT66**. Trẻ biết được một và cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | - Trẻ quan tâm đến di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước ( lễ Đền Cuông…), biển Diễn Thành, Cửa Hiền…, đất nước Việt Nam  |
| **MT67**. Trẻ biết chú ý nghe khi cô và bạn nói, biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | - Chờ đến lượt, hợp tác. |
| **MT68**. Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung | - Trẻ biết hợp tác trao đổi với bạn trong nhóm, lớp để cùng nhau thực hiện các hoạt động (HĐ học, vui chơi, trực nhật, lao động…) |
| **MT69**. Trẻ biết quan tâm và bảo vệ môi trường sống. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. | - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.- Ra sân vườn không hái hoa bẻ cành+ Dạy trẻ làm vườn  |
| **MT70.** Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định | - Dạy trẻ kỹ năng nhặt rách và bỏ rác đúng nơi quy định- Dạy trẻ kỹ năng quyét nhà.- Dạy trẻ thu gom và phân loại rác- Bỏ rác vào thùng rác |
| MT71. Trẻ biết được không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng | - Hoạt động vệ sinh, * Hướng dẫn kỹ năng sống tiết kiệm điện ( tắt quạt, tắt điện khi không sử dụng)

- Trẻ sử dụng nước tiết kiệm: vặn nước vừa đủ, rót nước uống vừa đủ uống, tắt nước khi không sử dụng. Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm nước.  |
| **NỘI DUNG GIÁO DỤC TĂNG CƯỜNG** |
| **MT72**. Nghe và trả lời được bằng qua cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình. | * Trẻ nói được một số từ chỉ màu sắc:
* Các từ chỉ người thân trong gia đình bé
* Các từ chỉ số từ 1-5
* Một số từ chỉ con vật, đồ vật, quả đơn giản quen thuộc
 |
| **MT73**. Trẻ thể hiện điệu múa hồn nhiên, theo bản nhạc,  | Các động tác múa: cuộn cổ tay, nhún mềm…Nhún nhảy theo nhạcThể hiện động tác múa theo bản nhạc hoàn chỉnh |
| **MT74**. *Tin học:* Trẻ biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM | Hướng dẫn trẻ biết máy tính. * Cách mở máy, tắt máy
* Điều khiển chuột
* Chơi, diều khiển các trò chơi
 |